

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2020/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Tiêu chí để xác định hàng hoá chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 2 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 2 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục tối thiểu cấp trung học cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục tối thiểu cấp trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1467/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị, tài liệu, học liệu hỗ trợ công tác phổ biến pháp luật trong trường mầm non, phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục tối thiểu thiết bị dạy học môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học và Ngoại ngữ - Trường trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1;

Thực hiện Công văn số 96/HĐND-VP ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thống nhất Danh mục, định mức sử dụng thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2402/TTr-SGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2020 và Báo cáo thẩm định số 1679/BC-STP ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định Danh mục, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Thuận.
2. Máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn về tài sản cố định theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục).
2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức

1. Danh mục, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng là tài sản cố định của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận theo Phụ lục đính kèm.
2. Danh mục, tiêu chuẩn, định mức quy định tại Khoản 1 Điều này là mức tối thiểu để làm cơ sở cho lập dự toán và tổ chức mua sắm theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Giáo dục và Đào tạo căn cứ Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch và dự toán ngân sách cho việc trang bị phục vụ công tác đào tạo của ngành và có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo đúng chế độ quy định.
2. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục I

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH THUẬN**
(kèm theo Quyết định số 47/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.			
2	Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.	Bộ/trường/ điểm trường	Định mức cụ thể cho từng lớp hoặc cho từng trường theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non, có hiệu lực kể từ ngày 28/3/2010; - Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Trang bị theo từng trường/điểm trường.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non.	Bộ/trường/ điểm trường	Định mức cụ thể cho từng lớp hoặc cho từng trường theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non; trang bị theo trường/điểm trường. - Trang bị theo từng trường/điểm trường.
4	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học.	Bộ/lớp/ trường	Định mức cụ thể cho từng lớp hoặc cho từng trường theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; - Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1.
5	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS.	Bộ/lớp/môn /trường	Định mức cụ thể cho từng lớp/môn hoặc cho từng trường theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục tối thiểu cấp trung học cơ sở.
6	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT.	Bộ/lớp/môn /trường	Định mức cụ thể cho từng lớp/môn hoặc cho từng trường theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Thông tư số 01/2010/TT- BGDĐT ngày 18/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục tối thiểu cấp THPT.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
6	Thiết bị tối thiểu dạy học môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học và Ngoại ngữ - Trường trung học phổ thông chuyên.	Bộ/lớp/môn /trường	Định mức cụ thể cho từng lớp/môn hoặc cho từng trường theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT ngày 29/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục tối thiểu thiết bị dạy học môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học và Ngoại ngữ - Trường trung học phổ thông chuyên.
7	Phòng học ngoại ngữ cấp tiểu học.	Phòng/trường	Định mức cụ thể cho từng trường theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Thông tư số 15/2009/TT- BGDĐT ngày 16/7/2009 và Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
8	Phòng học ngoại ngữ cấp THPT, THCS.	Phòng/trường	Định mức cụ thể thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Công văn số 7110/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 24/10/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn mua sắm, sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ trong các trường phổ thông.
9	Phòng học tin học (có nối mạng Internet và các thiết bị mạng, thiết bị ứng dụng CNTT, thiết bị khác của phòng học tin học) định mức 2 học sinh/01 máy.	Phòng/trường	Định mức cụ thể cho từng trường theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	Hệ thống trình chiếu (tivi thông minh, màn hình cảm ứng tối thiểu 65 inch; CPU tích hợp ...).	Bộ/phòng	1 bộ/phòng học/phòng bộ môn/phòng thí nghiệm, thực hành, ...	<p>- Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu và Công văn số 7110/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 24/10/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn mua sắm, sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ trong các trường phổ thông.</p> <p>- Công văn số 7110/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 24/10/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn mua sắm, sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ trong các trường phổ thông.</p> <p>- Trang bị theo số lượng phòng học của mỗi đơn vị.</p>
12	Bộ thiết bị, tài liệu, học liệu hỗ trợ công tác phổ biến pháp luật trong trường mầm non, phổ thông.	Bộ/lớp	Định mức cụ thể cho từng lớp hoặc cho từng trường theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	<p>Quyết định số 1467/QĐ-BGDĐT ngày 15/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị, tài liệu, học liệu hỗ trợ công tác phổ biến Pháp luật trong trường mầm non, phổ thông.</p>

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
12	Thiết bị tối thiểu môn giáo dục quốc phòng và an ninh.	Bộ/lớp/trường	Định mức cụ thể cho từng lớp hoặc cho từng trường theo quy định, hướng dẫn về định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Thông tư 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp THPT), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
13				
14	II Thiết bị không có trong danh mục thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo			
15	Thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, kiểm định chất lượng (công tác tuyển sinh lớp 6, lớp 10, kiểm tra học kỳ, phục vụ các hoạt động thi).		Số lượng tối đa	Áp dụng đối với cấp THCS, THPT và tương đương: mỗi bộ môn 01 (một) máy không kết nối Internet.
16	1.1 Máy tính để bàn (tối thiểu tương đương Core I7, 16GB Ram, 1TB HDD, ổ ghi DVD ...).	bộ/đơn vị	1	- Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025".
17	1.2 Máy in laser trắng đen (khổ in A3).	cái/đơn vị	2	
18	1.3 Máy in laser màu.	cái/đơn vị	1	
STT	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng
				Ghi chú

19	1.4	Máy photocopy siêu tốc (khổ in A3).	cái/đơn vị	1	<p>- Kế hoạch số 1951/KH-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025".</p>
20	1.5	Máy xéп trang và dập kim (khổ A3).	cái/đơn vị	1	
21	1.6	Phần mềm tuyển sinh.	bộ/đơn vị	1	
22	1.7	Phần mềm chấm trắc nghiệm.	cái/đơn vị	1	
23	1.8	Máy chấm trắc nghiệm.	cái/đơn vị	2	
24	1.9	Máy Scanner màu (khổ A3).	cái/đơn vị	1	
25	1.10	Máy tính xách tay (tối thiểu tương đương Core I7, 16GB Ram, 1TB HDD, ổ ghi DVD ...).	cái/đơn vị	1	
26	2	Thiết bị dùng chung tại các đơn vị			
27	2.1	Các phần mềm hỗ trợ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học		Số lượng tối đa	
28	2.11	Kiểm định chất lượng giáo dục.	bộ/đơn vị	1	
29	2.12	Ngân hàng đề (không bao gồm các cấp học mầm non, tiểu học, Trung tâm HT PTGD hoà nhập).	bộ/đơn vị	1	
30	2.13	Xây dựng thời khoá biểu.	bộ/đơn vị	1	
31	2.14	Quản lý trường học.	bộ/đơn vị	1	
32	2.15	Soạn giảng.	bộ/đơn vị	1	
33	2.16	Học ngoại ngữ.	bộ/đơn vị	1	
34	2.17	Quản lý giáo dục trực tuyến.	bộ/đơn vị	1	
					<p>Trang bị tại các cơ sở giáo dục và đào tạo.</p> <p>- Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025"</p> <p>- Kế hoạch số 1951/KH-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025" tỉnh Ninh Thuận</p>

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
35	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số.	bộ/đơn vị	1	- Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng năm 2025; - Công văn số 3873/BGDĐT-GDMN ngày 26/8/2019 và Công văn số 3946/BGDĐT-CNIT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
36	Quản lý văn bằng, chứng chỉ.	bộ/đơn vị	1	Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.
37	Quản trị hồ sơ học sinh toàn tỉnh (từ cấp mầm non đến cấp THPT).	bộ/đơn vị	1	
38	Tích hợp các cơ sở dữ liệu chung toàn ngành.	bộ/đơn vị	1	
39	Một số phần mềm khác hỗ trợ cho dạy - học và nghiên cứu khoa học.	bộ/đơn vị	1	Khi có nhiệm vụ phát sinh mà yêu cầu phải có phần mềm để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học thì được trang bị để phục vụ cho quản lý và đào tạo nhưng phải đảm bảo các tiêu chí về tài sản cố định.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	
40	2.2	Hệ thống máy điều hoà nhiệt độ phục vụ trong phòng thư viện, thí nghiệm, thực hành, bộ môn.	cái/phòng	2	Trang bị theo từng phòng bộ môn, phòng chức năng.
41	2.3	Hệ thống âm thanh, ánh sáng	bộ/trường	1	Phục vụ hoạt động ngoài giờ lên lớp
42	3	Thiết bị phục vụ cho các trường chuyên biệt	Số lượng tối thiểu		
43	3.1	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập.			
44	3.11	Máy giặt.	cái/đơn vị	1	
45	3.12	Điều hòa (cho phòng tâm vận động).	cái /phòng học	1	
46	3.13	Tủ 5 ngăn (phòng tâm vận động).	cái/đơn vị	1	
47	3.2	Trường THPT chuyên, DTNT, DTBT có bếp ăn, học sinh nội trú, bán trú.			
48	3.21	Bếp ga công nghiệp/bếp điện phục vụ nấu ăn.	cái/đơn vị	1	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; áp dụng cho các trường Tiểu học, THCS, THPT, THPT DT bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh.
49	3.22	Tủ ga nấu cơm nhà ăn học sinh.	cái/đơn vị	1	
50	3.23	Tủ lạnh bảo quản thức ăn nhà bếp, tủ lưu mẫu thức ăn.	cái/đơn vị	1	
51	3.24	Hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời.	cái/đơn vị	1	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
52	Thiết bị khác phục vụ cho các hoạt động dạy và học trong trường mầm non, mẫu giáo.			<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025". - Kế hoạch số 1951/KH-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025" tỉnh Ninh Thuận.
53	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm phục vụ giảng dạy; - Phần mềm phục vụ vui chơi của các cháu mẫu giáo và nhà trẻ. 	bộ/lớp	Trang bị theo số lớp và độ tuổi theo quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo.	